

KỸ THUẬT TRÌNH BÀY NỘI DUNG WEB

BÀI 4: KÝ TỰ VÀ BIỂU TƯỢNG TRONG TYPOGRAPHY

- ◎ Kết thúc bài học này bạn có khả năng
 - Hiểu được bản chất của ký tự (character)
 - Hiểu được các kiểu chữ
 - Hiểu được Ký tự và font chữ mã hóa (encoding) trên web
 - Cách sử dụng symbol (biểu tượng) và các ký tự đặc biệt trong HTML



Phần I: Ký tự trong Typography

- ❖ Bản chất của ký tự (character)
- ❖ Các kiểu chữ

Phần II: Biểu tượng trong Typography

- ❖ Ký tự và font chữ mã hóa (encoding) trên web
- ❖ Cách sử dụng symbol (biểu tượng)
- ❖ Các ký tự đặc biệt trong HTML



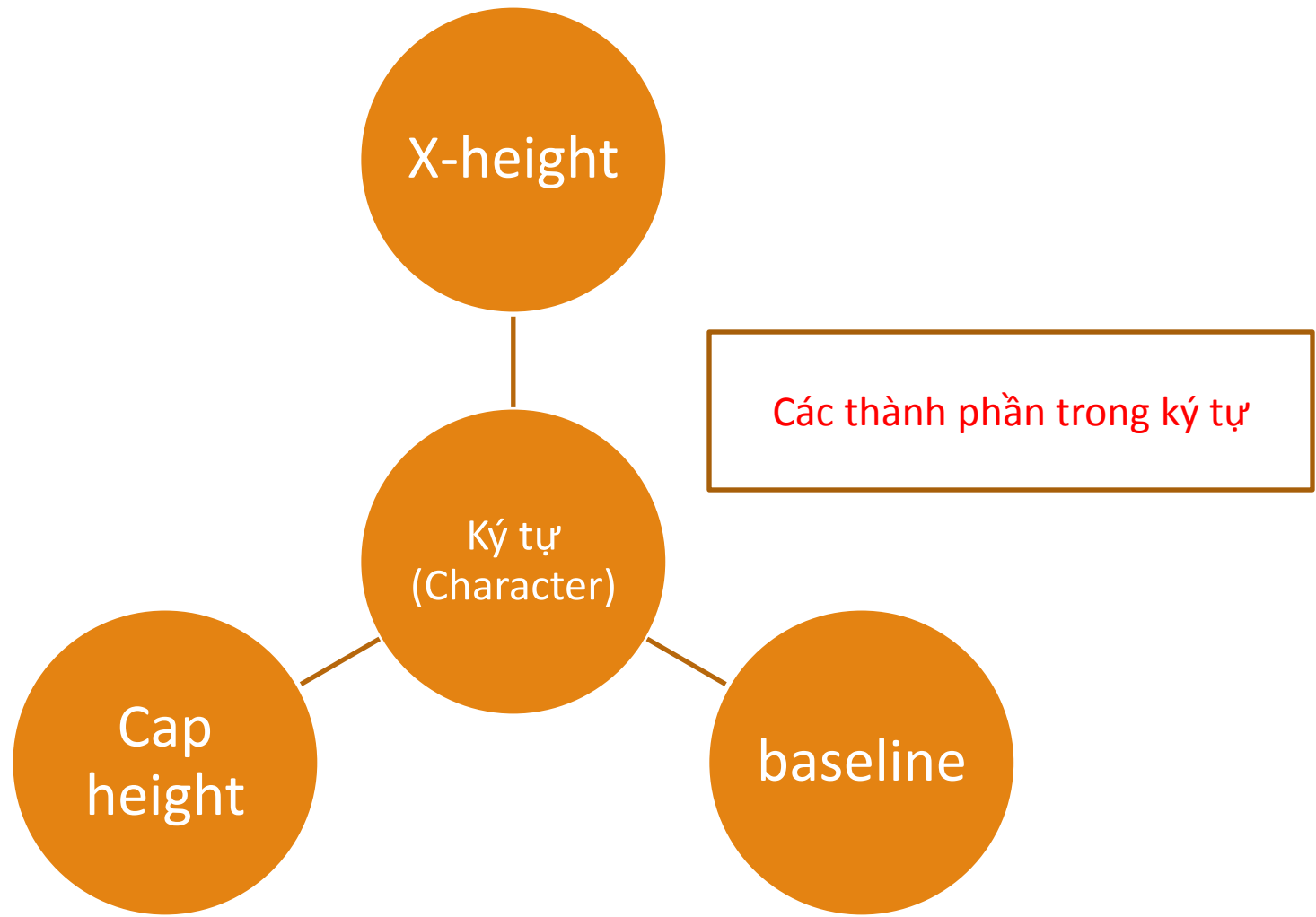
BÀI 4:
KÝ TỰ VÀ BIỂU TƯỢNG
TRONG TYPOGRAPHY

PHẦN I : KÝ TỰ TRONG
TYPOGRAPHY

BẢN CHẤT CỦA KÝ TỰ (CHARACTER)



- ❑ Là biểu diễn thị giác của một ký tự hoặc biểu tượng trong một bộ font, phân biệt với tất cả các ký tự khác trong cùng bộ đó.
- ❑ Văn bản được tạo ra từ các ký tự riêng lẻ, mỗi ký tự này có hình dạng và ý nghĩa riêng.
- ❑ Mọi ký tự và biểu tượng trong danh mục ký tự của một typeface (kiểu chữ) cụ thể luôn là duy nhất
- ❑ Kiểu chữ (Typeface) luôn có những đặc tính giống nhau, có thể dùng để mô tả và tìm hiểu về cách thức hoạt động của chúng.



□ Baseline (đường cơ sở):

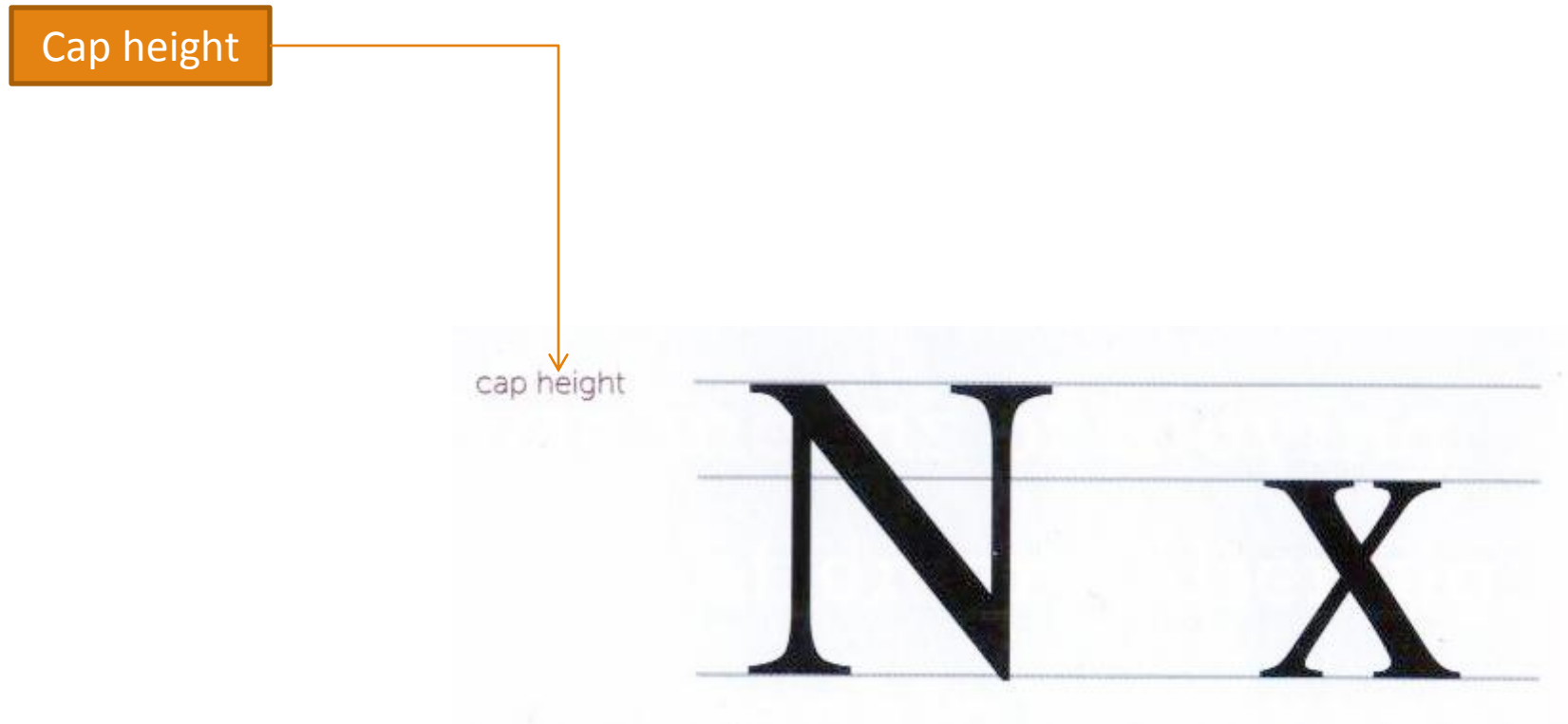
- ❖ Tất cả các kiểu chữ đều được căn trên 1 đường thẳng.
- ❖ Baseline thường là đường thẳng ngang cắt ngang bề mặt hiển thị
- ❖ Có thể là đường thẳng hoặc đường cong

Baseline dạng đường thẳng



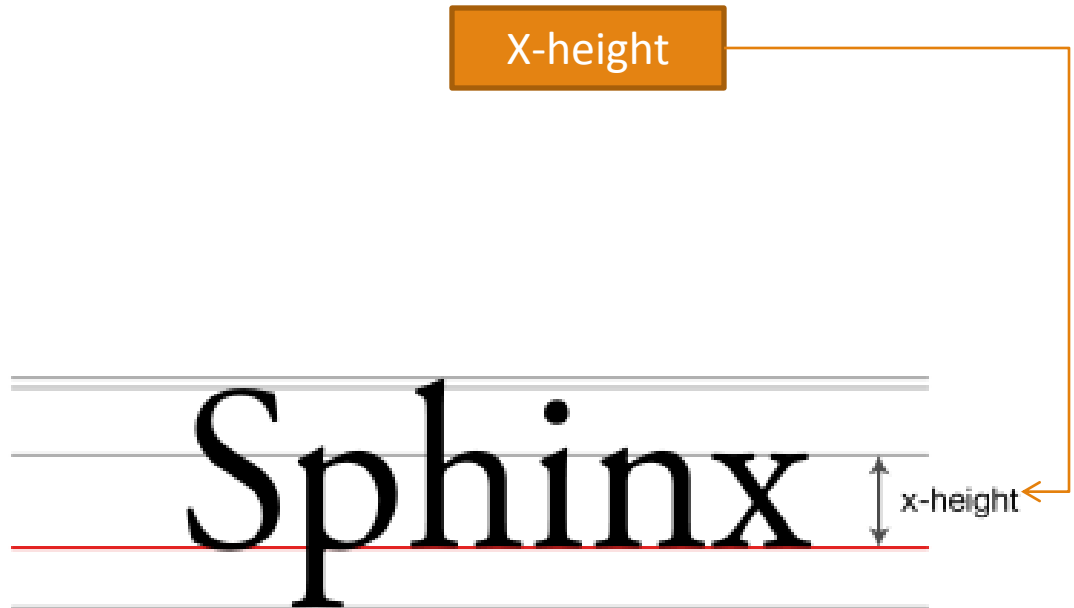
□ Cap height:

- ❖ Chiều cao tính từ điểm cao nhất của chữ in hoa tới đường baseline

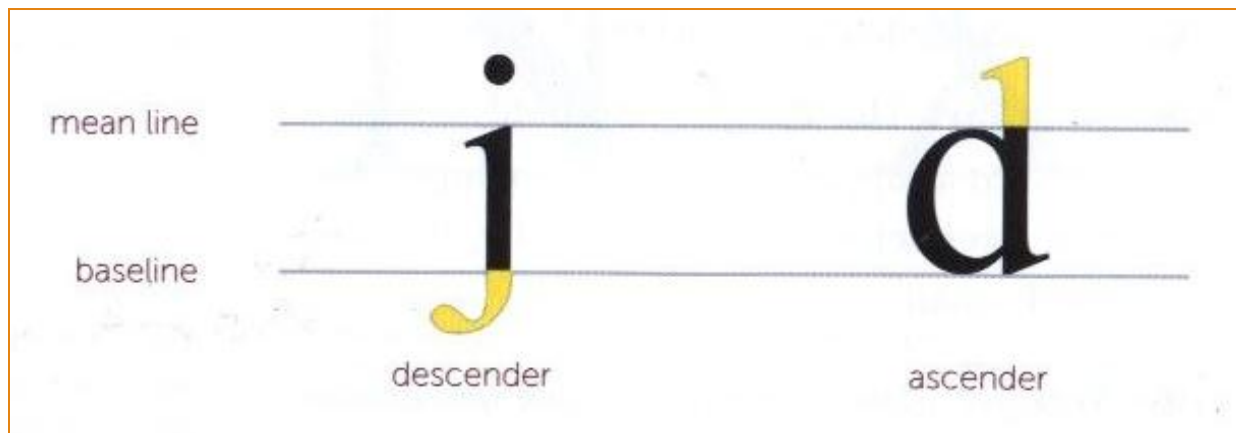


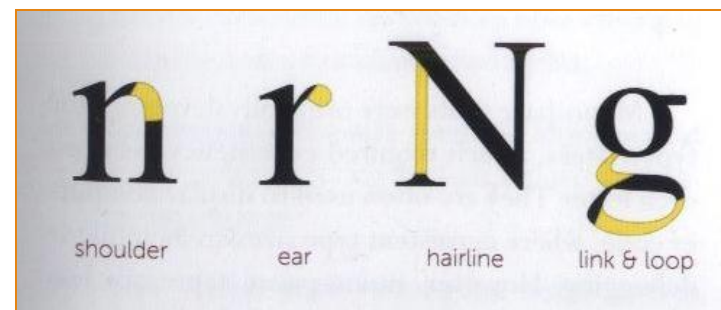
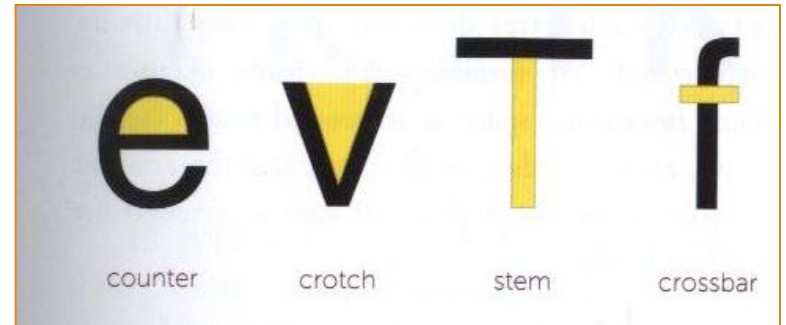
□ X-height:

- ❖ Chiều cao của ký tự chữ in thường
- ❖ Thường được sử dụng để định nghĩa đường trung tuyến (mean line)



- ❑ Tất cả các ký tự đều rất đa dạng về kiểu mẫu
- ❑ Các thành phần mở rộng của kiểu ký tự:
 - ❖ Ascender: nằm trên đường trung tuyến (mean line) của ký tự in thường
 - ❖ Descender: nằm dưới đường cơ sở (baseline) của ký tự in thường
 - ❖ Spur, terminal, tail, bowl,...

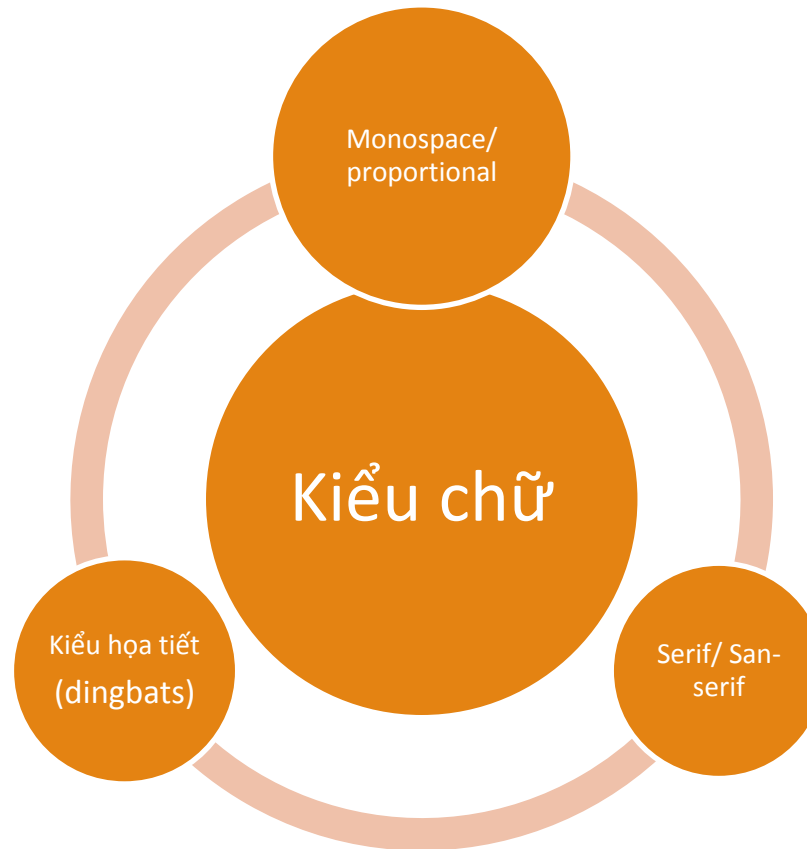




- ❑ Sự thể hiện mặc định của kiểu chữ là kiểu chữ bình thường (regular)
- ❑ Các kiểu biến đổi của kiểu chữ:
 - ❖ Kiểu chữ bình thường (regular)
 - ❖ **Kiểu in đậm (weight)**
 - ❖ *Kiểu in nghiêng (italic & obliques)*
 - ❖ KIỂU IN HOA (SMALL CAPS)



CÁC KIỂU CHỮ (TYPEFACE)



- ❑ Phương pháp tốt nhất để phân loại typeface là dựa vào cách sử dụng của chúng trong thiết kế. Kiểu chữ được phân chia thành ba nhóm chính—hiển thị nội dung, trình bày và trang trí:
 - ❖ Hiển thị nội dung: kiểu chữ thường được sử dụng để hiển thị độ lớn cần thiết để đọc
 - ❖ Trình bày: sử dụng font hiển thị để gây chú ý cho người duyệt nội dung
 - ❖ Trang trí: thường được sử dụng để trang trí thêm cho kiểu chữ. Trong CSS, thường được sử dụng lệnh *fantasy* hoặc *cursive*

❑ Kiểu **monospace/proportional**:

- ❖ Monospace hay còn gọi là cố định chiều dài (fixed-width): các ký tự chiếm hầu hết không gian chiều ngang, khoảng không gian giữa các ký tự không thay đổi
- ❖ Proportional: các ký tự chiếm gần hết không gian hiển thị, khoảng không gian giữa các ký tự sẽ thay đổi để tối ưu nhất cho việc dễ đọc



□ Kiểu serif/sans-serif:

- ❖ Serif: đường gạch chân, là họa tiết nhỏ trang trí phía dưới ký tự
- ❖ Font Sans-serif: không sử dụng nét gạch để trang trí



Một số kiểu họa tiết chân serif



- ❑ Kiểu **họa tiết (dingbat)**: một số font có chứa kiểu họa tiết



BÀI 4:

**KÝ TỰ VÀ BIỂU TƯỢNG
TRONG TYPOGRAPHY**

**PHẦN II : BIỂU TƯỢNG
TRONG TYPOGRAPHY**

KÝ TỰ VÀ FONT CHỮ MÃ HÓA (ENCODING) TRÊN WEB



- ❑ Trong máy tính, ký tự là 1 dải bit hiển thị ra màn hình/ máy in/các thiết bị output khác
- ❑ Ký tự mã hóa (encoding)/font mã hóa (encoding) là hệ thống ký tự mà máy tính cần để hiển thị
- ❑ Khi thiết kế web cần chắc chắn rằng font mà bạn chọn chứa các ký tự để hiển thị nội dung

❑ Unicode vs ISO Latin-1:

- ❖ Ký tự mã hóa (encoding) được phát triển từ mã ASCII, Mac OS Roman
- ❖ Đối với web, hệ thống mã hóa (encoding) là định dạng Unicode (phù hợp với cả Tiếng Việt). Định dạng Unicode thường sử dụng hiện nay là UTF-8

❑ Cài đặt font ISO Latin-1:

```
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=iso-8859-1">
```

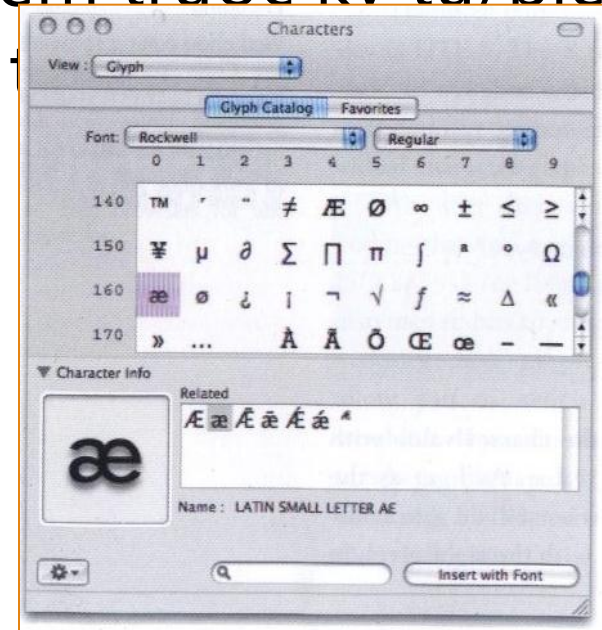
❑ Cài đặt font mã hóa (encoding) cho web:

```
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">
```

CÁCH SỬ DỤNG SYMBOL (BIỂU TƯỢNG)



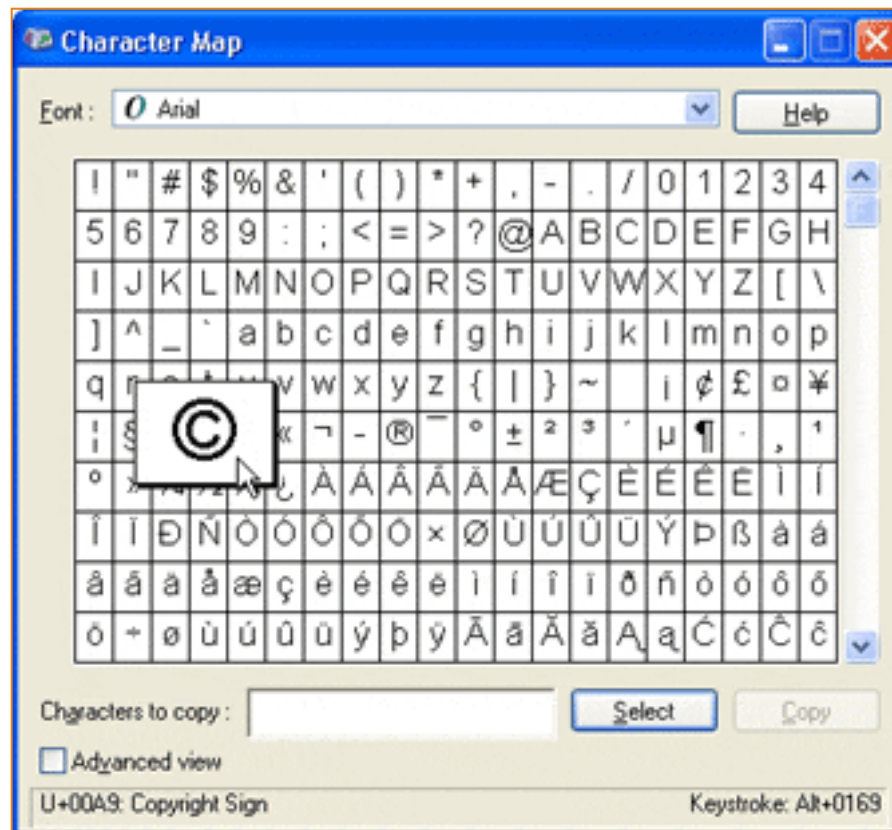
- ❑ Một số biểu tượng ẩn, phải sử dụng thông qua các phím **Shift, Ctrl, Option** (máy Mac) trên bàn phím
- ❑ Trên hệ điều hành có bao gồm chương trình duyệt ký tự giúp bạn có thể xem trước ký tự/biểu tượng để chèn, đó là chương trình **Character Viewer**



- Có rất nhiều biểu tượng được chèn trong file HTML, được viết giữa dấu **&** và dấu **;** - ví dụ như: **—**



KÝ TỰ ĐẶC BIỆT TRONG HTML



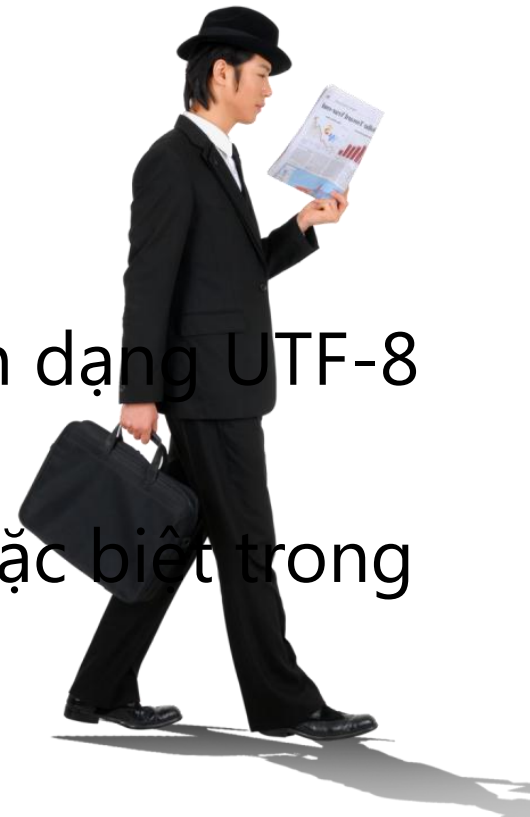
- ❑ Trong HTML có thể sử dụng những ký tự đặc biệt để thể hiện tên hoặc số,...
- ❑ Cần chú ý lựa chọn biểu tượng đúng, phù hợp với công việc

❑ Một số biểu tượng thường sử dụng trong mã

Tên	Ký tự	Mô tả
& dagger;	†	chữ thập
& bull;	•	dấu tròn đen
& hellip;	...	dấu ba chấm
& permil;	‰	dấu phần nghìn
& lsquo;	‘	dấu ngoặc nhọn trái
& rsquo;	’	dấu ngoặc nhọn phải
& spades;	♠	quân bích
& clubs;	♣	quân tép
& hearts;	♥	quân cơ
& diams;	♦	quân rô
& oline;	-	dấu gạch trên dòng
& larr;	←	mũi tên hướng sang trái
& uarr;	↑	mũi tên hướng lên trên
& rarr;	→	mũi tên hướng sang phải
& darr;	↓	mũi tên hướng xuống dưới
& trade;	™	ký hiệu nhãn hiệu thương mại
& quot;	"	dấu nháy kép
& apos;	'	dấu nháy đơn
& amp;	&	dấu và
& ndash;	—	dấu gạch ngang ngắn
& mdash;	—	dấu gạch ngang dài

Tên	Ký tự	Mô tả
& nbsp;		dấu cách trắng
& lexcrl;	;	dấu chấm than ngược
& cent;	¢	ký hiệu đồng cent
& pound;	£	ký hiệu đồng bảng
& current;	¤	ký hiệu tiền tệ thông thường
& yen;	¥	ký hiệu đồng yên Nhật
& brvbar;		dấu gạch đứng nét đứt
& sect;	§	ký hiệu phân đoạn
& copy;	©	ký hiệu bản quyền
& laquo;	«	dấu ngoặc nhọn kép bên trái
& not;	¬	ký hiệu phủ định
& reg;	®	ký hiệu đăng ký nhãn hiệu bảo hộ
& macr;	¯	âm bằng
& deg;	°	ký hiệu độ
& plusmn;	±	dấu cộng trừ
& sup1;	¹	dấu mũ 1
& sup2;	²	dấu mũ 2
& sup3;	³	dấu mũ 3
& acute;	´	âm sắc
& micro;	µ	ký hiệu micro
& para;	¶	ký hiệu phân cách đoạn văn
& middot;	·	dấu chấm giữa
& raquo;	»	dấu ngoặc nhọn kép bên phải
& frac14;	¼	một phần tư
& frac12;	½	một phần hai
& frac34;	¾	ba phần tư
& times;	×	dấu nhân
& Oslash;	Ø	chữ O hoa với dấu gạch chéo
& divide;	÷	dấu chia

- ❑ Các thành phần quan trọng trong bản chất của ký tự: baseline, cap height, x-height
- ❑ Các kiểu thể hiện của ký tự thường làm việc:
 - ❖ Kiểu chữ bình thường (regular)
 - ❖ **Kiểu in đậm (weight)**
 - ❖ *Kiểu in nghiêng (italic & obliques)*
 - ❖ KIỂU IN HOA (SMALL CAPS)
- ❑ Sử dụng hệ thống font Unicode định dạng UTF-8 để viết Tiếng Việt trên web
- ❑ Nắm bắt cách sử dụng biểu tượng đặc biệt trong mã HTML





Cảm ơn